



UBND PHƯỜNG THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 08 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

- + **Bữa sáng:** Phở bò
- + **Bữa trưa:**
- Món mặn: Cơm gà rô ti
 - Món canh: Cải bó xôi nấu thịt heo nạc.
 - Món xào: Dưa leo
 - Phụ trưa: Sữa chua Probi
- + **Bữa chiều:**
- Ăn xế: Cháo thịt bò khoai tây

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	3,970,000	102	295	3,602,000	368,000
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	10,322,000	102	295	10,690,000	(368,000)
Tổng tiền chợ:	14,292,000			14,292,000	-
Tổng số học sinh đi học:	397				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	15.32				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	6.96				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	8.36				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				3,602,000	
1	Hành tây	kg	2.00	25,000	50,000	
2	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
3	Ngò gai	kg	0.20	60,000	12,000	
4	Rau húng quế	kg	0.20	85,000	17,000	
5	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
6	Viên phở bò (144 hộp/thùng)	Viên	7.00	7,000	49,000	
7	Hoa hời, quế chi (kg)	kg	0.20	220,000	44,000	
8	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	0.50	82,000	41,000	
9	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	0.50	23,000	11,500	
10	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
11	Thịt bò đùi	kg	8.77	270,000	2,367,900	
12	Phở tươi	Gói	30.00	14,000	420,000	
13	Gừng to	kg	0.20	88,000	17,600	
14	Xương cùi heo có nạc	kg	6.00	85,000	510,000	
15	Hạt nêm Knorr 170g (32 gói/ thùng)	Gói	1.00	21,000	21,000	
II	Ăn chính + phụ				10,690,000	
1	Nếp thơm (nếp hương)	kg	2.00	32,000	64,000	
2	Điều hạt	kg	0.20	215,000	43,000	

3	Dưa leo	kg	7.00	30,000	210,000	
4	Cải bó xôi	kg	8.00	80,000	640,000	
5	Ngũ vị hương (10 gói/bao; 5 bao/hộp, 12 hộp/thùng)	Gói	5.00	5,000	25,000	
6	Dầu hào Maggi 350gr (24 chai/thùng, 12chai/thùngk)	Chai	4.00	32,000	128,000	
7	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	2.00	4,000	8,000	
8	Đường phen	kg	0.50	38,000	19,000	
9	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	4.50	82,000	369,000	
10	Sữa chua uống Probi 65ml (50 hộp/thùng)	Hộp	399.00	6,300	2,513,700	
11	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.50	23,000	34,500	
12	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
13	Thịt nạc vai	kg	3.60	140,000	504,000	
14	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	1.00	39,000	39,000	
15	Hành lá	kg	0.50	50,000	25,000	
16	Tiêu xay rỗng tây nguyên (tiêu thường)(500gr/gói)	kg	0.06	180,000	10,800	
17	Khoai tây Hà Nội sơ chế	kg	8.00	32,000	256,000	
18	Thịt bò đùi	kg	8.20	270,000	2,214,000	
19	Thịt gà (đùi, ức) chặt	kg	25.00	95,000	2,375,000	
20	Hạt nêm Knorr 170g (32 gói/ thùng)	Gói	3.00	21,000	63,000	
21	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
22	Gạo bồ câu (cò may)	kg	25.00	21,000	525,000	
23	Hạt sen tươi	kg	2.00	300,000	600,000	
TỔNG CỘNG					14,292,000	

Bảng chữ: Mười bốn triệu hai trăm chín mươi hai ngàn đồng./.



